



Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương cơ hội mới cho Việt Nam

ThS. Trần Nguyễn Minh Hải
và Nhóm sinh viên ĐH27NH05

Trong quá trình đổi mới, Việt Nam không ngừng học hỏi và hội nhập với nền kinh tế thế giới, tiêu biểu là việc nỗ lực đàm phán để tham gia vào các tổ chức thương mại như khối các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), khu vực Mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) và bước ngoặt lớn khi gia nhập Tổ chức thương mại Thế giới (WTO)... nhằm nâng cao vị thế của Việt Nam trên thương trường quốc tế. Sau nhiều năm nỗ lực chuẩn bị và đàm phán, cuối cùng Việt Nam gia nhập thành công WTO vào năm 2007. Sự kiện này đã cho thấy sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam đang tiếp cận ngày càng gần với những cơ hội lớn mà xu thế toàn cầu hóa đem lại. Đến nay, chúng ta lại đang đứng trước một cơ hội mới, một không gian kinh tế hết sức rộng lớn với sự tham gia của 12 quốc gia khu vực châu Á – Thái Bình Dương, chiếm đến 40% GDP và 1/3 thương mại toàn cầu, đó là việc tham gia Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (Trans-Pacific Strategic Economic Partnership Agreement – TPP). Tuy nhiên, để có sự chuẩn bị cần thiết nhằm vượt qua thách thức cũng như tận dụng cơ hội mà TPP mang lại, điều quan trọng là cần

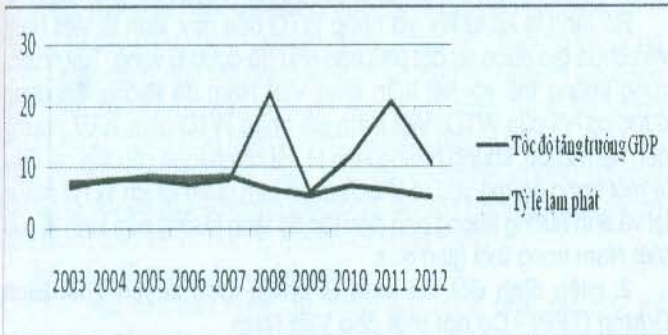
tiến hành nhìn nhận lại quá trình tham gia cũng như đánh giá hiệu quả phát triển nền kinh tế Việt Nam, các lĩnh vực kinh tế hậu gia nhập WTO.

1. Hậu gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) - cơ hội bị bỏ lỡ?

Gia nhập WTO, Việt Nam có cơ hội rất lớn không chỉ trong phát triển thương mại, đặc biệt là ngoại thương mà còn tạo sức ép, động lực cho quá trình cải cách tái cơ cấu nền kinh tế, nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế. Nhưng những gì chúng ta làm được trong thời gian qua đã không đạt được như kì vọng. Tăng trưởng kinh tế chậm, chỉ đạt mức trung bình, không đạt được chỉ tiêu kế hoạch đề ra, bất ổn kinh tế mà một phần do khủng hoảng tài chính toàn cầu. Cho đến thời điểm hiện tại, chúng ta vẫn chưa thấy sự đột phá nào được tạo ra từ WTO.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2007 là 8,48% và sau 5 năm gia nhập WTO, giảm xuống chỉ còn 5,03% trong năm 2012. Tốc độ tăng trưởng GDP trong giai đoạn này chỉ đạt bình quân khoảng 5,9%/năm thấp hơn mức trung bình 8%/năm trong giai đoạn 5 năm trước đó (2003 - 2007).

Hình 1. Tốc độ tăng trưởng GDP và tỷ lệ lạm phát của Việt Nam 5 năm trước và sau khi gia nhập WTO (Đvt: %)

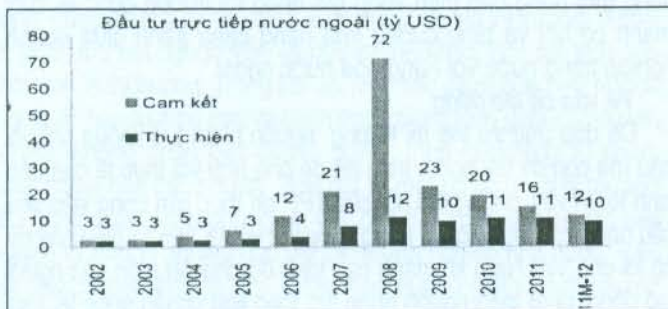
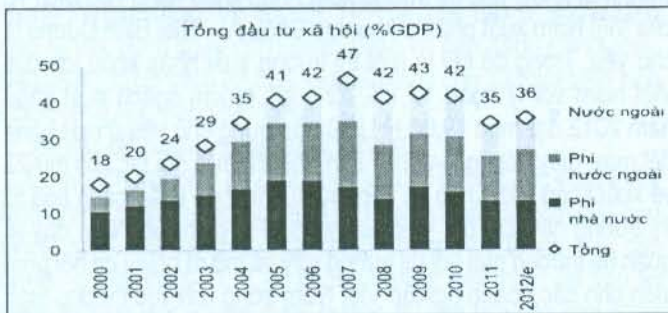


Nguồn: WB (2013a, b)

Không chỉ tăng trưởng chậm hơn, nền kinh tế Việt Nam còn trải qua thời kì bất ổn vĩ mô, một trong những dấu hiệu đó là diễn biến tình hình lạm phát. Trong giai đoạn 5 năm trước khi gia nhập WTO, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam tương đối thấp và duy trì ổn định, chỉ dao động trong khoảng 6,7 – 8,2%. Từ 2008 đến 2012, đã có lúc tỷ lệ lạm phát lên đến 22,1% (năm 2008) và 20,8% (năm 2011). Tỷ lệ lạm phát cao còn dẫn đến hệ quả là niềm tin đối với đồng nội tệ (VND) suy giảm, tỷ giá ngoại hối tăng liên tục từ năm 2008 đến nay (xem hình 1).

Vốn FDI đăng ký đổ vào Việt Nam sau khi gia nhập WTO tăng vượt trội so với các thời kì trước đó, nhưng vốn FDI được giải ngân vào số dự án triển khai thì lại giảm dần (xem hình 2).

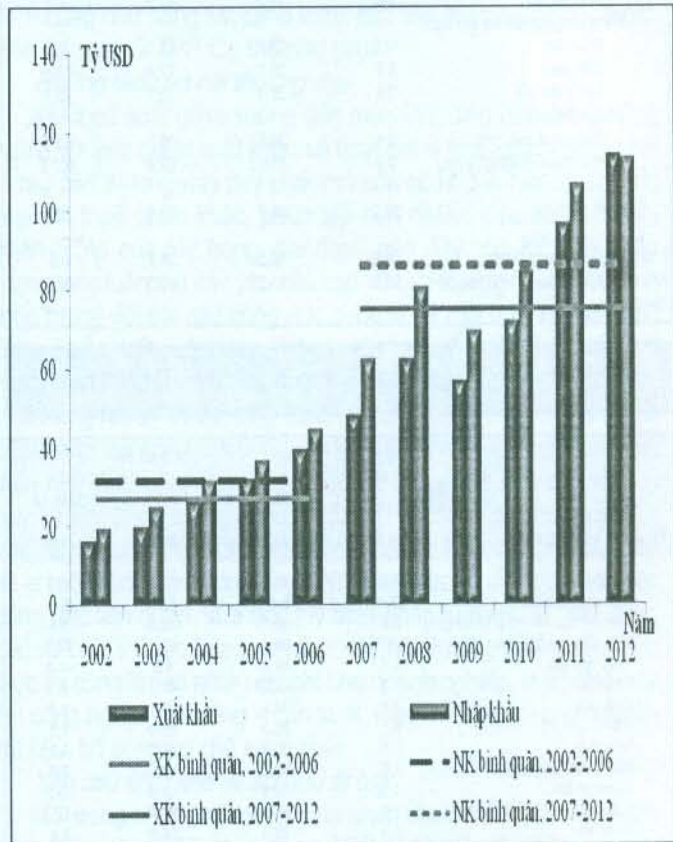
Hình 2. Tổng đầu tư xã hội của Việt Nam giai đoạn 2002 - 2012



Nguồn: WB (2013c, d)

Trong bối cảnh nền kinh tế không mấy khả quan vẫn có một vài điểm nhấn đáng chú ý, phải kể đến đó là hoạt động ngoại thương. Mặc dù nền kinh tế tăng trưởng chậm, tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vẫn tăng đáng kể cùng với sụt giảm trong kim ngạch nhập khẩu. Kỳ vọng lớn nhất của Việt Nam khi gia nhập WTO là gia tăng xuất khẩu với mức thuế suất đã được cắt giảm và các ngành dịch vụ không bị phân biệt đối xử (xem hình 3).

Hình 3. Thống kê xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam 5 năm trước và sau khi gia nhập WTO (Đvt: Tỷ USD)



Nguồn: WTO (2013); Customs (2013)

Thứ hạng của Việt Nam xét theo kim ngạch nhập khẩu từ sau khi gia nhập WTO tăng khá mạnh. Cụ thể, năm 2007, khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của WTO, thứ hạng về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam trên toàn thế giới ở vị trí lần lượt là 50 và 41. Đến năm 2012, thứ hạng xuất khẩu hàng hóa của nước ta đã tăng 13 bậc và xếp ở vị trí thứ 37 trong số các nước và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới, trong khi nhập khẩu tăng 7 bậc và xếp ở vị trí thứ 34. Sau gần 6 năm là thành viên của WTO, thương mại hàng hóa của Việt Nam trong năm 2012 đã đạt 228 tỷ USD, cao gấp hai lần so với kết quả thực hiện của năm đầu tiên Việt Nam trở thành thành viên WTO (Vietnam Customs, 2013; WTO, 2013).

Hình 4.1. Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam

	Giá trị (tỉ \$, 10T-2012)	% thay đổi về giá trị		
		2010	2011	10M-12
Tổng kim ngạch xuất khẩu	93,5	26,4	34,2	18,4
Dầu thô	7,0	-20,0	45,5	15,6
Ngoài dầu thô	86,4	32,0	33,4	18,6
Nông nghiệp				
Gạo	3,1	21,9	12,6	-3,9
Nông sản khác	8,1	35,1	39,9	9,9
Thủy hải sản	5,0	18,0	21,9	1,4
Hàng công nghiệp chi phí thấp				
Quần áo	12,5	23,7	25,3	8,2
Giày dép	5,7	26,0	27,9	10,5
Sản phẩm gỗ	3,8	32,3	13,7	19,1
Công nghệ cao				
Điện tử và máy tính	6,1	29,9	30,1	69,3
Điện thoại di động và phụ kiện	9,9	138,7	98,4	107,6
Sản phẩm khác	32,2	33,2	35,6	10,9
Khu vực kinh tế trong nước	34,9	15,5	28,7	0,8
Khu vực có vốn đầu tư NN (bao gồm dầu thô)	58,6	41,2	40,3	32,2

Hình 4.2. Nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam

	Giá trị (tỉ \$, 10T-2012)	% thay đổi		
		2010	2011	10M-12
Tổng giá trị nhập khẩu	93,8	21,2	25,8	8,8
Xăng dầu	7,9	-2,8	61,6	-6,3
Máy móc, thiết bị	13,4	8,0	13,0	5,0
Nguyên liệu dệt may và da giày	2,6	35,7	12,5	3,4
Máy tính và hàng điện tử	10,7	31,7	53,1	77,5
Thép các loại	5,1	14,8	4,5	-4,3
Phân bón	1,3	-13,9	46,1	-9,9
Chất dẻo	3,9	34,2	26,1	1,3
Vải	5,7	26,9	25,5	1,5
Hóa chất	2,3	30,4	27,2	4,9
Sản phẩm hóa chất	2,0	30,0	16,6	2,8
Dược phẩm	1,5	13,3	19,3	19,8
Sợi dệt	1,1	45,1	30,4	-12,1
Phân bón	0,6	12,4	16,6	7,6
Bông	0,7	71,9	56,1	-20,6
Giấy	0,9	20,1	15,4	8,9
Ô tô các loại	1,7	-5,2	6,8	-34,1
Hàng hóa khác	31,9	35,1	26,6	5,1
Khu vực kinh tế trong nước	47,8	9,0	20,9	-7,3
Khu vực có vốn đầu tư NN	37,0	41,8	32,1	23,9

Nguồn: GSO (2012); WB (2013d)

Tuy nhiên, thực tế đóng góp lớn nhất trong giá trị xuất khẩu những năm vừa qua không phải đến từ khu vực kinh tế trong nước, mà là các doanh nghiệp FDI. Theo đó, xuất khẩu của khối FDI (không kể dầu thô) 9 tháng năm 2012 chiếm tỷ trọng 55,2%, 9 tháng năm 2013 chiếm tỷ trọng đến 60,5%. Những mặt hàng xuất khẩu của các doanh nghiệp trong nước chủ yếu là những ngành đem lại giá trị gia tăng không cao, một số phụ thuộc nhiều vào

nguyên phụ liệu nhập khẩu như ngành dệt may. Điều đó cho thấy các doanh nghiệp trong nước đã không tận dụng hết những cơ hội từ WTO đem lại (MOF, 2012; GSO, 2012; WB, 2013 - xem hình 4).

Rõ ràng là kể từ khi gia nhập WTO đến nay, kinh tế Việt Nam vẫn chưa tạo được sự đột phá nào như đã được kì vọng. Tuy nhiên, cũng không thể vội kết luận rằng Việt Nam đã không tận dụng được cơ hội của WTO. Việt Nam gia nhập WTO năm 2007 nhưng đến năm 2008, khủng hoảng kinh tế, tài chính toàn cầu xảy ra. Đây là một trong những yếu tố khách quan làm giảm lợi ích WTO mang lại và ảnh hưởng không nhỏ đến tốc độ tăng trưởng nền kinh tế của Việt Nam trong thời gian qua.

2. Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) - Cơ hội mới cho Việt Nam

Với quy mô không hề nhỏ, độ phủ rộng và cam kết mở cửa rất sâu, TPP đang được mong đợi là một trong những cách thức mang lại cơ hội nhằm tạo bước ngoặt đưa Việt Nam thoát khỏi tình trạng kinh tế trì trệ hiện tại (TPP Info, 2013; MOIT, 2013; Amcham Việt Nam, 2013).

Về lĩnh vực thương mại

Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương là khu vực thị trường thương mại chiếm 70% tổng kim ngạch xuất khẩu và 80% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam, trong đó nhiều thị trường xuất khẩu chính đã là thành viên của TPP. Khác với WTO, Hiệp định TPP đề ra mức thuế quan giảm xuống 0% thúc đẩy thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa dịch vụ Việt Nam vươn ra thế giới. Nếu như mức thuế suất bình quân của Việt Nam trước khi gia nhập WTO là 17,4% vào năm 2006 thì năm 2012, mức thuế suất đã giảm xuống 11,4%, tạo lực đẩy phát triển nền kinh tế. Tuy nhiên, đối với TPP thì mức thuế suất được đàm phán hướng đến là 0%, có nghĩa là hàng rào thuế quan sẽ được xóa bỏ nhằm tăng cường trao đổi thương mại hàng hóa dịch vụ giữa các nước thành viên. Mặt khác, các thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa dịch vụ của Việt Nam xuất phát từ khu vực Châu Á – Thái Bình Dương là chủ yếu. Trong đó Mỹ là một thị trường xuất nhập khẩu lớn của Việt Nam với tỷ trọng 17,1%, tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu năm 2012 đạt mức 19,66 tỷ USD, tập trung chủ yếu ở mặt hàng dệt may, giày dép, gỗ và thủy sản. Việt Nam là đối tác xếp thứ 23 về xuất khẩu hàng hóa và xếp thứ 40 về nhập khẩu hàng hóa từ thị trường này. Do đó, việc gia nhập TPP giúp Việt Nam duy trì quan hệ thương mại với thị trường này và mở ra nhiều cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực thương mại; đồng thời nâng cao triển vọng gia nhập thị trường quốc tế, đẩy mạnh cơ hội và tăng cường khả năng cạnh tranh giữa doanh nghiệp trong nước với hàng hóa nước ngoài.

Về vấn đề lao động

Để đáp ứng xu thế thị trường, nguồn nhân lực không chỉ dồi dào mà còn có tay nghề, trình độ để phù hợp với thực tế của nền kinh tế. Vì vậy, những đòi hỏi của TPP rất thực tiễn trong việc yêu cầu nâng cao trình độ lao động. Nếu xét về dài hạn thì điều này rất có lợi cho Việt Nam khi nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động, phát triển nguồn nhân lực theo tiêu chuẩn quốc tế. Lao động Việt Nam có ưu điểm là nguồn nhân công dồi dào với chi phí

thấp đã thu hút các quốc gia trên thế giới trong việc xuất khẩu lao động. Điều này không chỉ giúp lao động Việt Nam được tiếp xúc với thành tựu khoa học kĩ thuật của thế giới, có điều kiện cải thiện đời sống, mang lại nguồn kiều hối cho đất nước. Bên cạnh đó, TPP còn đề ra các điều khoản nghiêm khắc trong việc bảo hộ lao động trong nước cũng như lao động xuất khẩu, như vậy, người lao động Việt Nam sẽ nhận được sự quan tâm đúng mức, được trả lương tương xứng, cũng như hưởng được những điều kiện lao động tốt nhất. Những quy chế mới theo TPP tuy chặt chẽ, nhưng sự chặt chẽ đó là đối với giới sử dụng lao động, do đó người lao động hoàn toàn được bảo vệ và hưởng quyền lợi xứng đáng.

Về vấn đề mua sắm chính phủ

TPP yêu cầu các nước gia nhập bắt buộc phải mở cửa thị trường mua sắm công, không phân biệt đối xử doanh nghiệp trong và ngoài nước, tạo sự cạnh tranh bình đẳng, công khai và minh bạch trong hoạt động mua sắm chính phủ. Đây là một vấn đề phức tạp mà nhiều nước trên thế giới hiện nay vẫn còn giữ quan điểm thận trọng và là lĩnh vực tương đối đóng so với những lĩnh vực khác về tự do thương mại.

Mặc dù WTO cũng đã có Hiệp định về mua sắm chính phủ, nhưng tính đến thời điểm hiện tại, chỉ có khoảng hơn 50 nước tham gia và mỗi nước đều có những qui định riêng là những lĩnh vực nào nằm ngoài tầm điều chỉnh của hiệp định này. Không giống như các hiệp định thương mại khác, chương "Mua sắm chính phủ" là một điều kiện bắt buộc đối với tất cả các quốc gia muốn tham gia vào TPP.

Bên cạnh đó, việc chỉ định thầu sẽ bị hạn chế tối đa. Nếu thị trường mua sắm chính phủ được công khai và minh bạch hơn, tạo được sự cạnh tranh công bằng trong cơ chế đấu thầu, các chủ đầu tư sẽ có nhiều lựa chọn hơn, hàng hoá, dịch vụ, công trình tốt hơn vì các doanh nghiệp phải nâng cao chất lượng để cạnh tranh, điều này còn tạo cơ hội để thu hút vốn vào các dự án PPP (Public Private Partnerships). Về lâu dài, TPP sẽ thúc đẩy cơ sở hạ tầng pháp lý Việt Nam ngày càng hoàn thiện và nền hành chính công cũng sẽ được cải cách tốt hơn, tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế bền vững hơn trong tương lai.

Về vấn đề doanh nghiệp quốc doanh

Ở nhiều nước hiện nay, đặc biệt tại các nước đang phát triển, chính phủ trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát nhiều tài sản của nền kinh tế sản xuất, hệ thống tài chính chính thức thông qua các doanh nghiệp nhà nước. Các doanh nghiệp này tham gia vào thị trường thương mại nhưng được hưởng ưu tiên tiếp cận vốn ngân hàng, được cấp tài chính với lãi suất thấp hơn giá thị trường, ưu đãi về thuế, thu hút nguồn vốn và các lợi thế khác, làm sai lệch sân chơi kinh tế thị trường. Trong khi đó, mục tiêu đề ra của TPP là thúc đẩy tự do hóa thương mại và cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp, không phân biệt doanh nghiệp nhà nước hay tư nhân, nước ngoài hay trong nước. TPP đặt ra một cơ sở pháp lý rõ ràng để không chấp nhận những ưu đãi, biệt đãi, cách đối xử đặc biệt với bất kỳ doanh nghiệp nào, kể cả doanh nghiệp nhà nước. Việc cải cách doanh nghiệp nhà nước theo hướng minh bạch này sẽ giảm bớt sự can thiệp của Nhà nước vào hoạt động của doanh

ngiệp, đồng thời tạo ra môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân, tạo động lực thúc đẩy doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả hơn, không còn ỷ lại vào sự bảo hộ của nhà nước, nhằm sàng lọc được những doanh nghiệp hoạt động tốt và đào thải các doanh nghiệp yếu kém. Doanh nghiệp tư nhân được bình đẳng trong việc tiếp cận nguồn vốn, tài nguyên, các dự án đầu tư... từ đó thúc đẩy sự phát triển của khu vực tư nhân và kích thích quá trình tự thực hiện tái cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiệu quả hơn.

3. Những thách thức khi Việt Nam tham gia Hiệp định TPP

Bên cạnh những cơ hội mà TPP mang lại thì Việt Nam cũng phải đối mặt với các thách thức đến từ các tiêu chuẩn mới trong TPP cũng như năng lực cạnh tranh của Việt Nam so với các thành viên thuộc khối TPP. Cụ thể như sau:

Những rào cản phi thương mại

Khi thuế suất giảm xuống đến mức 0%, điều này không đồng nghĩa với việc giá trị xuất khẩu sẽ tăng bởi vì thuế quan không phải là rào cản thương mại duy nhất mà còn có những rào cản thương mại phi thuế quan khác, phức tạp hơn nhiều. Các kết quả đàm phán FTAs của Mỹ trong giai đoạn gần đây cho thấy Mỹ nhấn mạnh việc tuân thủ các yêu cầu cao về môi trường (theo một danh mục tương đối dài các công ước quốc tế về môi trường), lao động (tiêu chuẩn ILO), các ràng buộc nhiều hơn về mặt thủ tục khi ban hành hay thực thi các quy định về cạnh tranh, phòng vệ thương mại, hàng rào kỹ thuật trong thương mại, hiệp định về áp dụng các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật... Các đối tác phát triển như Australia, New Zealand khá quan tâm đến các vấn đề này. Vì vậy, trong tương lai, khả năng TPP có thể bao trùm các lĩnh vực này là tương đối lớn. Việc tổ chức thực hiện các yêu cầu này sẽ là một gánh nặng lớn đối với Nhà nước trong việc gia nhập các công ước liên quan, sửa đổi quy định pháp luật nội địa, xây dựng các cơ chế, thủ tục ban hành thực thi mới. Không những vậy, việc thực thi cũng tạo ra nhiều chi phí cho doanh nghiệp, ví dụ như thay đổi công nghệ nuôi trồng – sản xuất, thay đổi nguồn cung nguyên vật liệu, bổ sung cơ chế kiểm soát...

Yêu cầu khắc khe về sở hữu trí tuệ

Một trong những nội dung đàm phán phức tạp đáng lo ngại của đoàn đàm phán Việt Nam trong TPP đó là vấn đề sở hữu trí tuệ. Việc tăng cường bảo hộ các quyền của chủ sở hữu và giảm các điều kiện để được công nhận bảo hộ, đặc biệt trong lĩnh vực sáng chế và độc quyền dữ liệu đối với dược phẩm, sẽ làm giảm khả năng tiếp cận các loại sản phẩm đặc biệt quan trọng trong chăm sóc sức khỏe, bảo vệ tính mạng của người dân Việt Nam nói riêng cũng như một số nước đang phát triển nói chung.

Là một nước nông nghiệp chậm phát triển, trải qua một thời gian dài chiến tranh và cấm vận kinh tế, Việt Nam vẫn còn phụ thuộc vào nông nghiệp, dành một phần lớn chi phí sản xuất cho các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật... Tăng cường bảo hộ sáng chế đồng nghĩa với việc gia tăng các chi phí này, loại bỏ mọi cơ hội giảm giá thành, chính vì thế làm giảm đi cơ hội thu nhập phần lớn dân số Việt Nam hiện đang sống dựa vào sản xuất nông nghiệp. Tương tự, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong sáng chế và

bản quyền cũng sẽ mất đi khả năng cải thiện quy trình sản xuất. Tuy nhiên, về vấn đề này, cũng cần nhận thức đầy đủ rằng, tình trạng hiện tại cần thay đổi dần dần để chấm dứt trong tương lai nếu Việt Nam muốn có một nền kinh tế công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do vậy, thực hiện bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong tương lai là có lợi cho Việt Nam và chúng ta cần xem đây như là một cơ hội tốt để thúc đẩy công việc khó khăn này ở Việt Nam.

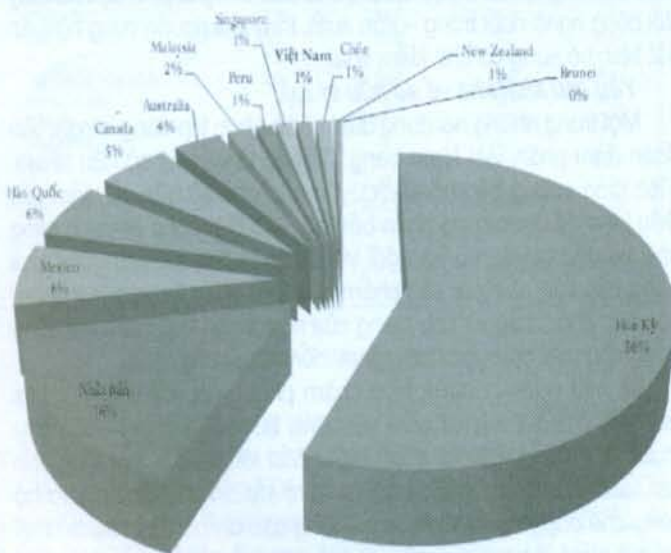
Chứng minh xuất xứ của nguyên liệu đầu vào

TPP quy định: một ngành chỉ hưởng ưu đãi về thuế xuất khẩu nếu chứng minh được nguồn nguyên liệu đầu vào có xuất xứ từ các nước tham gia TPP. Ví dụ: ngành dệt may của Việt Nam là ngành xuất khẩu chủ lực nhưng 75% nguyên vật liệu phải nhập từ Trung Quốc trong khi Trung Quốc không tham gia TPP nên rõ ràng ngành dệt may sẽ không được hưởng ưu đãi thuế quan như các ngành khác. Do công nghiệp phụ trợ của Việt Nam chưa phát triển nên rất nhiều ngành sản xuất khác cũng ở trong hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp này, cơ hội sản xuất hàng xuất khẩu của một số ngành hàng cũng không còn nữa.

Mức độ cạnh tranh khốc liệt hơn

Việc giảm thuế quan chắc chắn sẽ dẫn đến sự gia tăng nhanh chóng trong luồng hàng nhập khẩu từ các nước TPP vào Việt Nam với giá cả cạnh tranh. Hệ quả tất yếu là các doanh nghiệp sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt, thị phần hàng hóa của Việt Nam bị thu hẹp lại, thậm chí là nguy cơ mất thị phần nội địa. Nguy cơ này đặc biệt nguy hiểm đối với nhóm hàng nông sản, vốn là nhóm gắn liền với đối tượng dễ bị tác động trong hội nhập. Ngoài ra, điều này cũng dẫn đến việc doanh nghiệp trong nước phải cạnh tranh với nhau và doanh nghiệp nào yếu kém hơn sẽ bị đào thải ra khỏi thị trường.

Hình 5. Tỷ trọng GDP toàn khối TPP năm 2012 (Đvt: %)



GDP 2012/PPP: tỷ USD

Nguồn: Amcham Viet Nam (2013)

Việt Nam hiện vẫn còn là thị trường tương đối đóng với nhiều nhóm mặt hàng với mức thuế khá cao. Vì thế, việc cam kết giảm thuế đối với phần lớn các nhóm mặt hàng từ các nước đối tác TPP dự kiến sẽ gây ra hai bất lợi trực tiếp là (1) sẽ gây ra việc giảm thu ngân sách từ thuế nhập khẩu sau khi thực hiện TPP; (2) giảm thuế quan có thể khiến luồng hàng nhập khẩu từ các nước TPP vào Việt Nam gia tăng với giá cả cạnh tranh hơn. Hệ quả tất yếu là thị phần hàng hóa liên quan tại Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng và cạnh tranh gay gắt hơn. Đây là thực tế đã từng xảy ra khi chúng ta thực hiện FTAs đã ký, đặc biệt là ACFTA với Trung Quốc. Ngoài ra, tham gia TPP đồng nghĩa với việc mở cửa thị trường dịch vụ, là mảng hoạt động thương mại mà mức độ mở cửa của Việt Nam còn hạn chế và dè dặt nhất từ trước đến nay. Việc mở cửa thị trường dịch vụ sẽ khiến cho các nhà cung cấp có tiềm lực lớn, có kinh nghiệm và danh tiếng lâu năm, có ưu thế về dịch vụ trên thế giới (đặc biệt là các nhà cung cấp dịch vụ Mỹ) xâm nhập vào thị trường Việt Nam, khiến cho các đơn vị cung cấp dịch vụ của Việt Nam gặp khó khăn nghiêm trọng và việc mất thị phần là nguy cơ có thể dự báo trước được.

4. Định hướng giải pháp nhằm đón cơ hội mới đến từ TPP

Việc mở cửa thị trường cho các nước khi gia nhập vào TPP có tác động không nhỏ tới sự cạnh tranh của nước ngoài với Việt Nam. Đây là cơ hội lớn để các doanh nghiệp hoạt động tốt có thể vươn lên nhưng cũng là thách thức lớn đối với các doanh nghiệp có hoạt động không hiệu quả. Vì vậy, về phía nhà nước lẫn doanh nghiệp đều cần có những sự chuẩn bị chiến lược và phối hợp hiệu quả như sau:

Về phía nhà nước

Đầu tiên và cơ bản nhất là Nhà nước phải tiếp tục đổi mới thể chế, nhất quán thực thi thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Tập trung hoàn thiện các chính sách, hệ thống pháp luật và các chuẩn mực xã hội, bao gồm cả các chuẩn mực chính thức và phi chính thức nhằm khắc phục những tiêu cực còn tồn đọng trong xã hội cũng như những mâu thuẫn, kẽ hở của nền kinh tế thị trường nhằm đảm bảo thực tiễn pháp luật nước ta phù hợp, đáp ứng được các chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

Bên cạnh đó, nhà nước cần phải thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh kém hiệu quả gây lãng phí nguồn lực quốc gia sang hình thức công ty cổ phần hay tư nhân hoá doanh nghiệp nhà nước, để nâng cao hiệu quả cạnh tranh của doanh nghiệp cũng như nền kinh tế, tập trung kinh doanh vào những lĩnh vực mà doanh nghiệp tư nhân không làm được, hoặc không có động cơ để đầu tư. Bởi vì, nếu như TPP được kí kết thành công, những ưu ái độc quyền kinh doanh, ưu đãi nguồn tín dụng cũng như những lợi thế khác mà Nhà nước dành cho các doanh nghiệp nhà nước từ đó cũng sẽ chấm dứt.

Ngoài ra, khi gia nhập TPP, người lao động sẽ có cơ hội hiểu và giành lấy quyền lợi chính đáng của mình. Thế nên khi bị kiện vì pháp luật quốc nội không bảo vệ quyền của người lao động, sau khi được tài phán bởi một thiết chế tựa như trọng tài giải quyết tranh chấp giữa các nhà đầu tư với các quốc gia nội khối TPP, các quốc gia khác sẽ giành quyền rút lại những ưu đãi thuế quan trước



Để có thể tận dụng được tối đa các cơ hội mà TPP mang lại, cần phát triển các ngành sản xuất hỗ trợ hàng xuất khẩu,

đó. Chính vì vậy, Nhà nước phải có những hành động thúc đẩy việc thực thi đáp ứng các chuẩn mực của ILO, đồng thời tiến hành xây dựng các tổ chức công đoàn đủ mạnh và tách bạch với giới chủ để có thể bảo vệ lợi ích của công nhân.

Không những thế, vấn đề về quyền sở hữu trí tuệ cũng được áp đặt mạnh mẽ trong quá trình đàm phán TPP, điều này buộc Nhà nước phải thực thi có hiệu quả luật sở hữu trí tuệ, bảo hộ quyền sáng chế của các doanh nghiệp trong nước và có các biện pháp để xử lý vi phạm nhằm tránh tình trạng các doanh nghiệp Việt Nam sao chép và bán lại bất kể thứ gì mà họ thấy hợp với mình, trong khi những luật lệ về bảo hộ bản quyền lại không được thực thi.

Về vấn đề bảo vệ môi trường thì Nhà nước có thể hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các quy trình và công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường cũng như hỗ trợ các doanh nghiệp có được chứng chỉ môi trường đối với hàng hóa xuất khẩu. Xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia theo tiêu chuẩn quốc tế về tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, quy trình sản xuất thân thiện với môi trường, các quy định và tiêu chuẩn về bao bì, đóng gói, nhãn môi trường và nhãn sinh thái áp dụng chung cho các doanh nghiệp sản xuất nhằm đáp ứng các quy định kỹ thuật của TPP. Nhà nước cũng cần có các chính sách hỗ trợ và kiểm soát đặc biệt đối với một số ngành mà việc phát triển sản xuất, xuất khẩu tác động trực tiếp đến môi trường như: nông nghiệp, khai thác và xuất khẩu thủy sản, lâm sản, khoáng sản... để bảo vệ môi trường cũng như nguồn tài nguyên trong nước.

Còn với lĩnh vực dịch vụ tài chính, khi đàm phán TPP thành công sẽ mở rộng phạm vi tự do hoá ở mức độ rộng nhất, khiến các điều kiện tiếp cận thị trường sẽ dần được xoá bỏ. Điều này gây ra những thách thức không nhỏ đối với các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng. Để khắc phục được các thách thức này đòi hỏi Nhà nước phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các chính sách kinh tế vĩ mô, nhất là giữa chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ với chính sách tỷ giá; đồng thời, cần mở cửa có giới hạn các giao dịch vốn, thẩm định kỹ lưỡng các dự án sử dụng vốn nước ngoài, giám sát chặt chẽ sự chu chuyển của các dòng vốn ngắn hạn và các giao dịch vốn trên thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, Nhà

nước vẫn đảm bảo từng bước mở cửa thị trường vốn cho nhà đầu tư nước ngoài theo lộ trình hội nhập đã cam kết, phù hợp với khả năng giám sát và quản lý nguồn vốn đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài của nước ta.

Về phía các doanh nghiệp

Thay đổi trong cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh để phù hợp với môi trường cạnh tranh mới khốc liệt hơn.

- Cần chủ động nâng cao năng lực hợp tác với khách hàng thông qua việc nâng cao năng lực sản xuất, khả năng giao hàng đúng hạn, quản lý chất lượng và thực hiện trách nhiệm xã hội.

- Đào tạo phát triển đội ngũ quản lý kỹ thuật, từng bước làm chủ công nghệ, tăng cường tham gia các hội chợ chuyên ngành, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

- Rà soát lại những cam kết thương mại quốc tế, để từng bước thay đổi và thích nghi với những quy định của các hiệp định thương mại song phương hoặc đa phương mà Việt Nam đã ký kết.

- Đối với những ngành hàng xuất khẩu mục tiêu như da giày và đặc biệt là dệt may, TPP đưa ra một quy định rất khắt khe về xuất xứ sản phẩm. Vì vậy, để có thể tận dụng được tối đa các cơ hội mà TPP mang lại, cần phát triển các ngành sản xuất hỗ trợ hàng xuất khẩu, xúc tiến tạo nguồn cung ứng nguyên phụ liệu cho các sản phẩm mục tiêu. Ví dụ như ngành dệt may, ngay từ bây giờ các doanh nghiệp dệt, sản xuất phụ liệu và may cần phải xây dựng mối liên kết chặt chẽ, đây được coi là một yếu tố quan trọng để có thể đáp ứng được các yêu cầu về quy tắc xuất xứ.

- Hệ thống ngân hàng cần được xây dựng đủ mạnh để có thể tài trợ sản xuất tối đa cho các ngành hàng xuất khẩu mục tiêu trước cơ hội mà TPP mang lại.

Nhìn chung, hầu hết doanh nghiệp ở nước ta có quy mô vừa và nhỏ, nơi mà khả năng cạnh tranh của chúng ta vẫn còn có những hạn chế, sẽ tận dụng được những cơ hội và thuận lợi do TPP mang lại. Đặc biệt, trong quá trình chuyển đổi, thời gian thực hiện lộ trình, các doanh nghiệp Việt Nam vừa phải thúc đẩy sản xuất, đồng thời khắc phục những khiếm khuyết của mình, để đến khi kết thúc lộ trình, vẫn đủ sức đứng vững và vươn lên, không thua kém gì các doanh nghiệp của các thành viên TPP khác, qua đó thể hiện trách nhiệm cũng như bản lĩnh của các doanh nghiệp Việt Nam trên thương trường quốc tế trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay ■

Tài liệu tham khảo

1. Amcham Viet Nam (2013). Cơ hội và thách thức của doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia TPP.
2. Customs (2013). Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trước và sau khi gia nhập WTO qua một vài con số.
3. MOF (2013). Tham gia TPP: Lợi ích song hành cùng thách thức.
4. MOIT (2013). Tin chuyên đề: Xuất khẩu cả năm tăng 14%: Dự kiến khả thi.
5. MOIT (2013). Việt Nam dự hội thảo về "Thực trạng đàm phán TPP" tại Mexico.
6. Trung tâm WTO (2013). Chủ động tìm cơ hội từ TPP.
7. Trung tâm WTO (2013). Kết quả đạt được về Hiệp định Đối tác xuyên Thái bình dương (TPP) tại Hội nghị cấp cao APEC 19.
8. TTP Info (2013). The Trans - pacific partnership agreement.
9. WB (2013a). GDP growth (annual %).
10. WB (2013b). Inflation, GDP deflator (annual %).
11. WB (2013c). Foreign direct investment, net inflows.
12. WB (2013d). Điểm lại cập nhật tình hình phát triển kinh tế Việt Nam.